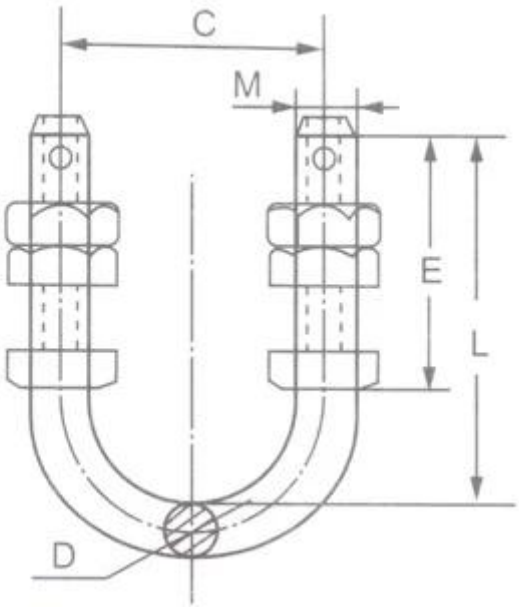

Con mèo. Không.	kích thước (mm)					đánh giá tải trọng thất bại kN	Cân nặng Kilôgam
	C	D	E	L	M		
U-1240	40	12	45	80	12	35	0,38
U-1440	40	14	60	90	14	35	0,42
U-1470	70	14	70	120	14	40	0,46
U-1670	70	16	65	130	16	50	0,66
U-1870	70	18	80	130	18	60	0,86
U-1880	80	18	60	130	18	60	0,88
U-1890	90	18	60	140	18	60	0,90
U-2070	70	20	90	130	20	70	1,20
U-2080	80	20	70	140	20	70	1,70
U-2090	90	20	90	150	20	70	1,28
U-2280	80	22	90	150	22	100	1,30
U-2290	90	22	100	160	22	100	1,34